

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/DS-ST

Ngày: 22-4-2022

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Đào.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Công Quyền**;
2. Bà **Võ Thị Trâm**.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 04 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ X, ấp X, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1975; địa chỉ: Số I đường số I, tổ M, khu phố L, phường L, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05/4/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Bà D và bà T trước đây có quen biết nhau, bà T cho bà D vay tiền 03 lần: Lần đầu tiên: Vào khoảng tháng 02.2020, bà D vay 5.000.000 đồng để cắt mí mắt, xăm chân mày, hẹn vài ngày sau sẽ trả tiền và không ghi giấy nợ; lần thứ hai: Bà T không

nhớ rõ ngày tháng, bà D vay 200.000 đồng, không ghi giấy nợ; lần thứ ba: Bà T không nhớ rõ ngày tháng, bà D vay 50.000 đồng, không ghi giấy nợ.

Tổng số tiền bà D nợ bà là 5.250.000 đồng, bà D hẹn trả nhiều lần nhưng liên tục thất hẹn. Việc vay tiền không thế chấp tài sản, không tính lãi.

Đến đầu tháng 1.2021 bà T làm đơn gửi văn phòng khu phố L nơi bà D cư trú, hai bên được mời hòa giải, bà D có ký vào văn bản cam kết tại văn phòng khu phố, hứa sẽ trả tiền nhưng sau đó nhiều lần né tránh, không có thiện chí trả tiền. Tuy số tiền không lớn nhưng bà T làm nghề mua ve chai, thu thập thấp, bà phải vay tiền của người khác để đưa cho bà D. Nay bà T yêu cầu bà D trả cho bà số tiền 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 5.250.000 đồng, ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bé T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T, bà D là phù hợp với quy định tại Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T thấy rằng:

Căn cứ biên bản hòa giải ngày 23/01/2021 tại Văn phòng khu phố L, phường L, bà Nguyễn Thị Ngọc D thừa nhận có nợ bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 5.250.000 đồng, hứa trả mỗi tháng 1.750.000 đồng, thời gian trả nợ tính từ ngày 23/01/2021 đến ngày 23/02/2021 bà D sẽ trả cho bà T lần thứ nhất, ngày 23/3/2021 trả lần thứ hai, ngày 23/4/2021 trả lần thứ ba là đủ số tiền 5.250.000 đồng. Cùng ngày 23/01/2021, bà D tự

viết thêm tờ cam kết về việc thực hiện trả số nợ 5.250.000 đồng như trên. Nay bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng bà D vắng mặt không đến Tòa án trình bày ý kiến, bà T khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền 5.250.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà D phải chịu án phí 300.000 đồng, hoàn trả tạm ứng án phí cho bà T theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T đối với bà Nguyễn Thị Ngọc D:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà D còn phải trả cho bà T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Bé T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009794 ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành.

3. Bà Nguyễn Thị Bé T và Nguyễn Thị Ngọc D được kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự
- Lưu tập án (L).

Lê Thị Trúc Đào